

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lam.

2. Bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Mai Lý Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị K tự nguyện tìm hiểu nhau, gia đình có tổ chức đám cưới hỏi, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên xung đột cãi vã cuộc sống ngột ngạt. Mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách giữa ông và bà K không hòa hợp, áp lực cuộc sống, chi tiêu tài chính do ông nợ nần. Ông và bà K hiện nay vẫn sống chung cùng nhau, mọi sinh hoạt chung vẫn

diễn ra bình thường. Hàng ngày, ông là người đưa đón các con đi học, cơm nước hàng ngày ai rửa thì nấu, bà K thì chợ búa. Ông cảm thấy cuộc sống không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông và bà K có 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 11/3/2011 và Phạm Anh M, sinh ngày 20/11/2016. Ly hôn ông đề nghị giao con cho bà K trực tiếp chăm sóc, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi con là 7.000.000 đồng/tháng/con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà và ông Phạm Văn N tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau, gia đình có tổ chức đám cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại nhà bố mẹ chồng 5 năm, đến năm 2014 mới chuyển về nhà riêng ở khu phố 3, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Quá trình chung sống ông, bà có hạnh phúc, ông N và bà không có mâu thuẫn gì xảy ra. Chỉ có một thời gian ngắn là vào cuối năm 2023, do ông N có chi tiêu tài chính không rõ ràng nên bà có góp ý thì ông N phản ứng, do bức tức nên bà đã ký vào đơn thuận tình ly hôn. Ngay sau đó vợ chồng đã hòa giải bình thường, nhưng ông N vẫn tiếp tục nộp đơn ra Tòa án ly hôn bà. Kể từ thời điểm ông N nộp đơn ly hôn cho tới nay cuộc sống gia đình bà vẫn diễn ra bình thường, vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau, vẫn cơm nước sinh hoạt chung, cũng không có sự việc gì diễn ra hay cãi chửi nhau gì cả. Bà vẫn quan tâm ông N như từ trước đến nay, ông N vẫn cùng bà chăm lo cho 02 con. Cuộc sống hôn nhân của bà và ông N bình thường, không có mâu thuẫn gì nên bà không đồng ý ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 11/3/2011 và Phạm Anh M, sinh ngày 20/11/2016. Trường hợp, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đề nghị giao 02 con cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi con là 7.000.000 đồng/tháng/con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận

yêu cầu ly hôn của ông N, về con chung, tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Phạm Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị K. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn ở phường P, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Ông N và bà K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 04/3/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông N trình bày, quá trình chung sống ông và bà K có mâu thuẫn, thường xuyên xung đột cãi vã, cuộc sống ngột ngạt không chịu được. Mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách giữa ông và bà K không hòa hợp, áp lực cuộc sống, chi tiêu tài chính do ông nợ nần nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Bà K không đồng ý ly hôn với ông N vì tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, bà và ông N vẫn chung sống, sinh hoạt và cùng nhau chăm lo cho các con, không có xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng, vợ chồng cũng không to tiếng hay có hành vi bạo lực gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của ông N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay ông N và bà K vẫn sống chung, sinh hoạt cùng nhau, vợ chồng không có hành vi bạo lực gia đình, không ai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, cũng không xúc phạm nhau hay làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, tôn thất về tinh thần của nhau. Cả hai ông bà vẫn cùng nhau chăm lo cho các con hàng ngày. Theo trình bày của bà Nguyễn Thị S là mẹ ruột của ông N cũng xác nhận “...cuộc sống hôn nhân của N và K tôi thấy hai con đều rất hạnh phúc, các cháu chăm ngoan, học giỏi”, “...hai vợ chồng quan tâm nhau, không có mâu thuẫn hay cãi vã nhau gì cả...”. Mâu thuẫn vợ chồng theo ông N trình bày là không có căn cứ để chứng minh, trái ngược với trình bày của bà K, bà S cũng như ý kiến của trưởng khu phố nơi ông bà sinh sống. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông N đối với bà K là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: ông N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn N.

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn N đối với bà Nguyễn Thị K.

Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000711 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. ông N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- CCTHADS TP. PR- TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Diệu